

2018-2019 USA Fencing Rolling Point Standings  
V70MS

RANK	CURRENT AS OF		12/21/2018 DIVISION	ROLLING POINTS	V70 - DEC 2018		V70 - APR 2018		V70- NTLS 2018		V70 - WORLDS 2017	
	NAME	YOB			PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
1	Sbarbaro, Philip	1945	Capitol	1458	1	400	2	368	2	368	7	690
2	Pinkus, Larry M	1945	Capitol	800	np	0	1	400	1	400	21	0
3	Carson, William B	1937	Colorado	620	np	0	3	340	5	280	25	0
4	Campana, Sr., Rinaldc	1946	Virginia	616	3	340	9	214	7	276	np	0
5	Sexton III, Ray L.	1943	South Texas	614	9	214	3	340	8	274	np	0
6	Bianchini, Victor E.	1938	San Diego	558	5	280	6	278	11	210	np	0
7	Calderon, Peter J	1943	Capitol	554	8	274	5	280	np	0	23	0
8	Fischer, Thomas W	1940	Kansas	552	10	212	11	210	3	340	np	0
9T	Dobrzanski, Lucas T	1943	Southern California	490	13	206	10	212	6	278	np	0
9T	Vitoux, Michael E	1946	Illinois	490	12	208	7	276	9	214	np	0
11	Chang, Gerald H	1940	New Jersey	486	np	0	8	274	10	212	np	0
12	Rea, John P	1945	N. Carolina	482	7	276	14	204	13	206	np	0
13	Dunlop, Richard	1941	Illinois	418	11	210	12	208	np	0	np	0
14	Chang, Tung-shan	1939	New England	414	np	0	13	206	12	208	np	0
15	Main, Robert T	1949	Colorado	408	6	278	np	0	np	0	np	0
16	Hambarzumian, Heik	1949	Orange Coast	368	2	368	np	0	np	0	np	0
17T	Trammell, Chris W	1946	Louisiana	340	np	0	np	0	3	340	np	0
17T	Brown, Richard	1949	New Jersey	340	3	340	np	0	np	0	np	0
19	Baldwin, Robert	1936	Illinois	204	14	204	np	0	np	0	np	0
20	Sweeney, Robert Dale	1939	Tennessee	202	np	0	15	202	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2018-2019 USA Fencing Rolling Point Standings  
V70MS

CURRENT AS OF 12/21/2018	V60 - DEC PLACE	2018 POINTS	V60 - APR PLACE	2018 POINTS	V60- NTLS PLACE	2018 POINTS	V60 - WORLDS PLACE	2018 POINTS
Sbarbaro, Philip	np	0	np	0	np	0	np	0
Pinkus, Larry M	np	0	np	0	np	0	np	0
Carson, William B	np	0	np	0	np	0	np	0
Campana, Sr., Rinaldo	np	0	np	0	np	0	np	0
Sexton III, Ray L.	np	0	np	0	np	0	np	0
Bianchini, Victor E.	np	0	np	0	np	0	np	0
Calderon, Peter J	np	0	np	0	np	0	np	0
Fischer, Thomas W	np	0	np	0	np	0	np	0
Dobrzanski, Lucas T	np	0	np	0	np	0	np	0
Vitoux, Michael E	np	0	np	0	np	0	np	0
Chang, Gerald H	np	0	np	0	np	0	np	0
Rea, John P	np	0	np	0	np	0	np	0
Dunlop, Richard	np	0	np	0	np	0	np	0
Chang, Tung-shan	np	0	np	0	np	0	np	0
Main, Robert T	np	0	np	0	22	130	np	0
Hambarzumian, Heik	np	0	np	0	np	0	np	0
Trammell, Chris W	np	0	np	0	np	0	np	0
Brown, Richard	np	0	DNF	0	np	0	np	0
Baldwin, Robert	np	0	np	0	np	0	np	0
Sweeney, Robert Dale	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)